

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày 04-9-2020

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Quỳnh Nga

Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh Đ, sinh năm 1999 tại tỉnh Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xã Hải X, huyện Hải H, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Tổ 7, khu phố L, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Thế T; Mẹ: Trần Thị N; Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt: 17-3-2020 (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Hữu D (tên gọi khác B), sinh ngày 16-6-2002 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 7, khu phố L, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Thợ xăm; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn N; Mẹ: Đỗ Thị Ngọc Đ; Bị cáo sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thảo Y và có 01 con chung sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo D: Bà Hồ Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Chị Nguyễn Thị Khả M, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Chị Nguyễn Thảo Y, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bà Trần Thị N, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố L, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 68 đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 16-03-2020, Nguyễn Hữu D gọi điện thoại qua mạng xã hội Facebook cho Phạm Minh Đ hỏi mua một gói ma túy khay số lượng “nửa hộp 5” và 03 viên thuốc lắc thì Đ đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy cho D là trước nhà thờ K. Sau đó, Đ đến quán “Top New” thuộc phường P, thành phố B gặp một người đàn ông tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) mua số lượng ma túy như D yêu cầu với số tiền 2.500.000 đồng và đi đến điểm hẹn.

Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, đối tượng tên T (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô chở D đến gặp Đ, khi Đ vừa đưa ma túy cho D và chưa kịp lấy tiền thì bị lực lượng Cảnh sát cơ động (PK02) Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu phát hiện và bắt quả tang đồng thời thu giữ: Trên tay D 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt và 03 viên nén hình vuông màu xanh; trong túi quần của Đ 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng được gấp lại bên trong có chứa chất bột màu trắng.

Đối với T khi bị phát hiện đã điều khiển xe mô tô chạy thoát.

** Tại Bản kết luận giám định số 150/GĐMT-PC09 (Đ2) ngày 20-3-2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định:*

“1. Mẫu chất bột mịn màu trắng chứa trong 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2000 đồng (mẫu A1), được niêm phong trong một phong bì màu vàng (số thứ tự 01) gửi đến giám định có khối lượng 0,0661 gam là chất ma túy, loại Ketamine.

2. Mẫu chất kết tinh không màu-trong suốt chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín (mẫu A2), được niêm phong trong một phong bì màu vàng (số

thứ tự 02) gửi đến giám định có khối lượng 1,9251 gam là ma túy, loại Ketamine.

03 viên nén màu xanh, hình vuông, trên bề mặt có in ký hiệu không rõ hình (mẫu A3) được niêm phong trong cùng phong bì nêu trên, gửi đến giám định có khối lượng 1,3558 gam là ma túy, loại MDMA”.

* Trong quá trình điều tra Đ khai nhận số ma túy chứa trong tờ tiền mệnh giá 2000 đồng là ma túy khay được Đ mua sử dụng vào ngày 15-3-2020 còn lại và mục đích cất giấu là để bán lại cho người khác. Ngoài ra Đ còn khai nhận đã bán ma túy cho D 02 lần và bán cho một đối tượng tên Đ1 (không rõ lai lịch) 01 lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Khoảng 03 tuần trước ngày bị bắt, tại khu vực nhà thờ Chánh tòa B, phường H, thành phố B, Đ bán cho D 01 gói ma túy khay và 01 viên ma túy thuốc lắc với tổng số tiền 1.100.000 đồng.

- *Lần thứ hai:* Khoảng 01 tuần trước ngày bị bắt, cũng tại khu vực nhà thờ Chánh tòa B, phường P, thành phố B, Đ bán cho D 02 gói ma túy khay và 02 viên thuốc lắc với tổng số tiền 1.600.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Trước quán trà sữa “M&M” thuộc phường P, thành phố B, Phạm Minh Đ bán cho đối tượng tên Đ1 (không nhớ rõ thời gian cụ thể) 02 viên thuốc lắc với giá 500.000 đồng.

* Đối với Nguyễn Hữu D khai nhận việc mua ma túy của Đ vào ngày 16-3-2020 là mua giùm cho một người tên T. Khi T điều khiển xe mô tô chở D đến điểm hẹn gặp Đ để mua ma túy thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ trên tay D số ma túy vừa mua của Đ. Ngoài ra, D còn khai nhận trước đó đã 02 lần mua ma túy của Đ.

* Bản Cáo trạng số 56/CT-VKSBR ngày 12-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa truy tố Phạm Minh Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Hữu D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

** Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.*

Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với Phạm Minh Đ và Nguyễn Hữu D đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; các điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Minh Đ từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hữu D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo không có việc làm ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ:

+ Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 bì thư niêm phong số 150/1 và 150/2 ngày 20-3-2020 là vật chứng của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 xe mô tô màu xanh-đen, hiệu Yamaha Janus, biển kiểm soát 72D1-339.06 có nguồn gốc hợp pháp đã được trả lại cho chị Nguyễn Thị Khả M đúng quy định nên đã giải quyết xong.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng là tài sản của chị Lê Thị Mỹ H cho Đ mượn và Chị H không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy trả lại chiếc điện thoại trên cho Chị H.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng bị nứt màn hình kính sau là tài sản của chị Nguyễn Thảo Y cho bị cáo D mượn và Chị Y không biết D sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy trả lại chiếc điện thoại trên cho Chị Y.

+ Đối với 02 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen là tài sản của các bị cáo Đ và D được sử dụng vào việc cá nhân không liên quan tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

+ Đối với số tiền mặt 6.150.000 đồng, trong đó: Số tiền 5.200.000 đồng thu giữ của Đ là thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị N (mẹ bị cáo Đ) không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bà Nhẫn; đối với số tiền 950.000 đồng thu giữ của D không liên quan đến tội phạm nên trả cho bị cáo D.

** Quan điểm bào chữa của bà Hồ Thị H cho bị cáo D:*

Về tội danh và điều luật truy tố: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên.

Về mức hình phạt: Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, còn có con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt tù dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên.

** Lời khai của Nguyễn Hữu D:*

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đồng ý với quan điểm của người bào chữa và không bổ sung gì thêm. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

** Lời khai của Phạm Minh Đ:*

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

** Kiểm sát viên không đối đáp với quan điểm bào chữa của người bào chữa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo Phạm Minh Đ, Nguyễn Hữu D tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra là hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó đã xác định được: Vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 16-3-2020, trước nhà thờ K thuộc phường K, thành phố B, trong lúc Phạm Minh Đ đang thực hiện hành vi bán trái phép 1,9251 gam ma túy, loại Ketamine và 1,3558 gam ma túy, loại MDMA cho Nguyễn Hữu D thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ trên tay D toàn bộ số ma túy nêu trên. Ngoài ra còn thu giữ trong túi quần của Đ 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng được gấp lại bên trong có chứa 0,0661 gam chất ma túy, loại Ketamine được bị cáo Đ cất giữ nhằm mục đích bán lại cho các đối tượng khác.

Ngoài hành vi nêu trên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ còn tự nguyện khai nhận trước đó đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho D và 01 lần bán trái phép chất ma túy cho một đối tượng tên Đ1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Do đó, đủ cơ sở kết luận:

Hành vi của Phạm Minh Đ đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Nguyễn Hữu D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[3.1] Đối với Phạm Minh Đ:

Bị cáo là công dân đã trưởng thành và hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn có tiền tiêu xài và có ma túy để sử dụng mà bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật để nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo D và các đối tượng

nghiện khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt tù thật nghiêm khắc để nhằm răn đe, giáo dục đồng thời cũng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung.

[3.2] *Đối với Nguyễn Hữu D:*

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội. Chính bị cáo cũng là người sử dụng ma túy nên hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe của con người. Nhưng chỉ vì ham muốn của bản thân mà bị cáo đã tự hủy hoại sức khỏe của mình đồng thời quên đi trách nhiệm đối với gia đình và cộng đồng xã hội. Vì vậy cũng cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để nhằm mục đích răn đe, giáo dục.

[4] *Tình tiết tăng nặng:*

Các bị cáo không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Tình tiết giảm nhẹ:*

Đối với bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú về các hành vi phạm tội trước đó của mình. Do đó, bị cáo được áp dụng các điểm r, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thời điểm phạm tội còn là người chưa đủ 18 tuổi. Do đó áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] *Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo D:*

Nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo D là nghiêm trọng, do đó quan điểm của người bào chữa về việc xử phạt bị cáo mức hình phạt tù dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] *Về hình phạt bổ sung:*

Xét bị cáo Đ là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] *Về xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ:*

Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 bì thư niêm phong số 150/1 và 150/2 ngày 20-3-2020 là vật chứng của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng đã cũ, số Imel 358629070199686 là tài sản của chị Lê Thị Mỹ H cho bị cáo Đ mượn và không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho Chị H.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã cũ, bị bể màn hình kính sau, số Imel 354868093961375 là tài sản của chị Nguyễn Thảo Y cho

bị cáo D mượn và không biết D sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho Chi Y.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số Imel 351848/07/76256/8 là tài sản của bị cáo Đ được sử dụng vào việc cá nhân không liên quan tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174 màu đen, số Imel 357743107763215 là tài sản của bị cáo D được sử dụng vào việc cá nhân không liên quan tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền mặt 6.150.000 đồng, trong đó: Số tiền 5.200.000 đồng thu giữ của Đ là thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị N (mẹ bị cáo Đ) không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bà N; đối với số tiền 950.000 đồng thu giữ của D không liên quan đến tội phạm nên trả cho bị cáo D.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

[10] Đối với đối tượng tên L đã bán ma túy cho Đ và đối tượng tên T hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên chưa có cơ sở để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Phạm Minh Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Nguyễn Hữu D (B) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

[1.1] Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Phạm Minh Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 17-3-2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Phạm Minh Đ.

[1.2] Căn cứ điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Nguyễn Hữu D (B) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 bì thư niêm phong vụ số 150/1 và 150/2 ngày 20-3-2020 do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu niêm phong và đóng dấu.

Trả lại cho chị Lê Thị Mỹ H 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng đã cũ, số Imel 358629070199686.

Trả lại cho chị Nguyễn Thảo Y 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã cũ, bị bể màn hình kính sau, số Imel 354868093961375.

Trả lại cho bà Trần Thị N số tiền 5.200.000 đồng.

Trả lại cho Nguyễn Hữu D số tiền 950.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số Imel 351848/07/76256/8.

Trả lại cho bị cáo D 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1174 màu đen, số Imel 357743107763215.

Toàn bộ vật chứng và tài sản nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 69 và Biên lai thu tiền số 0000284 cùng ngày 12-8-2020.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Phạm Minh Đ và Nguyễn Hữu D mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04-9-2020), các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Công an thành phố Bà Rịa;
- CCTHADS thành phố Bà Rịa;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Thương